

TẢN MẠN VỀ SÔNG AN CỰU QUA CẢM NHẬN CỦA NGƯỜI CHÂU ÂU TRƯỚC 1945

Nguyễn Quang Trung Tiến*

Sông An Cựu và vùng đất ven con sông này ở khu vực Huế đã được người châu Âu biết đến từ thế kỷ XVII, qua tên gọi sông Phủ Cam và làng Phủ Cam. Tên Phủ Cam xuất phát từ cái phủ mang tên Cam, có cùng niên đại với phủ Dương Xuân và phủ Tập Tượng bên bờ nam Sông Hương thời các chúa Nguyễn,⁽¹⁾ nên dân gian quen gọi là Phủ Cam.

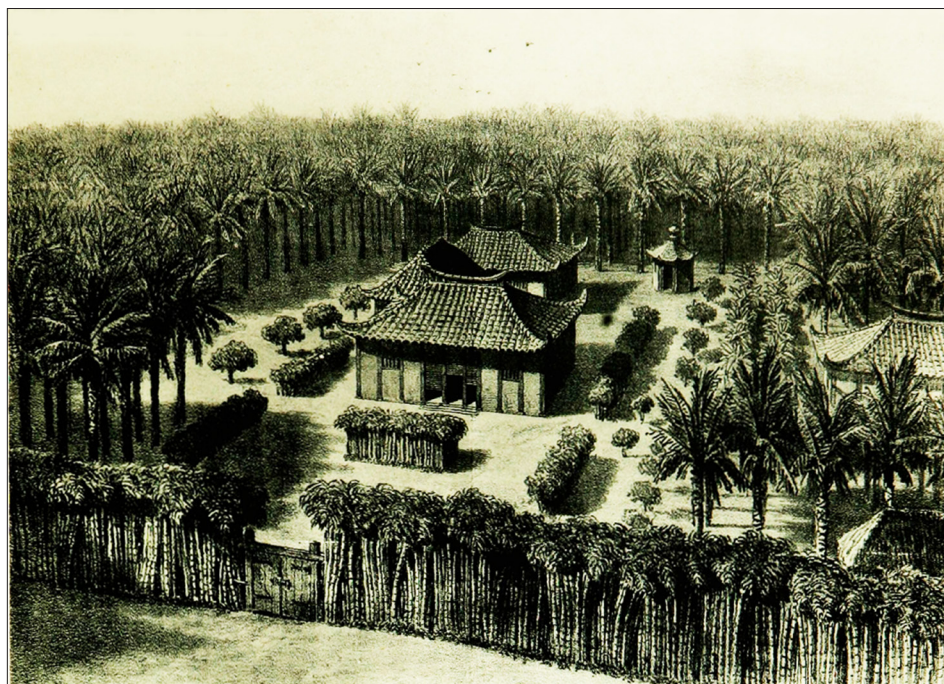
Vùng đất ven sông Phủ Cam đã sớm xuất hiện họ đạo cùng trú sở của các linh mục thuộc Hội Thừa sai Paris (Société des Missions étrangères de Paris) và nhiều dòng tu khác, có nhà thờ từ năm 1682, đến đầu thế kỷ XX trở thành nhà thờ Chính tòa Phủ Cam; nên ngay từ thế kỷ XVII, các giáo sĩ phương Tây đến Huế quen dùng cái tên Phủ Cam, bởi đây là địa điểm tụ hội chính của họ ở đầu con sông.

Vào nửa đầu thế kỷ XVIII, tên Phủ Cam được toàn thể giới Công giáo quan tâm, do “Đức Giám mục E. F de la Baume [Khâm mạng Tòa Thánh Vatican], tuổi đã cao, thiếu thôn đủ mọi thứ... đã qua đời. Nơi đó không phải ở Cochinchine [từ năm 1834 được triều Nguyễn gọi là Nam Kỳ], ở Barjavel, mà ở Phủ Cam, một vùng đất tại Huế; nơi ông được bổ nhiệm như một vị Hồng y giáo chủ, qua đời vào ngày 02/4/1741, với sự có mặt của một hoàng thân Kitô giáo An Nam [hoàng tộc chúa Nguyễn xứ Đàng Trong], cùng một số người đến thăm viếng và những nhà truyền giáo khác, bao gồm một linh mục người Trung Quốc là học trò của ông... Cái chết này là một sự kiện ở Huế đối với triều đình cũng như các thần dân, bởi sự hiện diện của “Vị khách” mà cả thế giới đều biết đến”.⁽²⁾

Đầu thế kỷ XIX, vùng đất Phủ Cam là nơi cư trú suốt gần 18 năm [1802-1819] của gia đình Jean Baptiste Chaigneau, công thần người Pháp hàng đầu của chúa Nguyễn Ánh đã trở thành vua Gia Long đầu triều Nguyễn. Michel Đức Chaigneau, con trai trưởng của gia đình này đã có nhiều kỷ niệm sâu lắng về vùng đất Phủ Cam khi viết trong hồi ký của mình: “Cha tôi đã mua một ngôi nhà ở khu vực phụ cận Huế, cách Kinh Thành khoảng một cây số và cách làng đạo Phủ Cam cũng khoảng chừng đó. Sở đất này rộng chừng ba héc-ta, nằm bên bờ một chi lưu [sông An Cựu] của sông Trường Tiền [Sông Hương] vốn bắt nguồn gần khu lăng tẩm của hoàng gia [nơi hợp lưu giữa sông Tả Trạch và sông Hữu Trạch để tạo thành Sông Hương,

* Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

ở vị trí xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà hiện nay]. Tương tự nhiều sở đất khác quanh thành phố, sở đất nhà cha tôi có trồng cau, cam, xoài, ổi, v.v... và bao quanh là hàng rào tre dày với bờ mương phía trong. Giữa sở đất là một cụm ba căn nhà, mái lợp ngói liệt; tất cả đều là nhà trệt, lớn bé đều có, cất trên nền nhà cao hơn mặt sân nửa mét, gồm những chiếc cột gỗ kết nối vững vàng với xà ngang và kèo. Tôi không thể cưỡng lại sự cảm động khi mô tả ngôi nhà này, nơi tôi sinh ra, lớn lên và lìa xa nó ở tuổi mười sáu, khi theo cha trong chuyến đi đầu tiên về Pháp vào cuối năm 1819”.⁽³⁾



Ảnh 1: Ngôi nhà của gia đình J. B. Chaigneau bên bờ sông An Cựu trong giai đoạn 1802-1819, nằm ở đường Phan Đình Phùng gần chợ Bến Ngự hiện nay. (Nguồn: Paul Boudet et André Masson (1931), *Iconographie historique de l'Indochine française*, Les Éditions G. Van Oest, Paris, Planche XVIII).

Ký ức của Michel Đức Chaigneau về Phủ Cam không chỉ là ngôi nhà thời thơ ấu, mà còn phần nào phản ánh đặc điểm vùng đất này qua việc tang ma vào đầu thế kỷ XIX: “Ở Huế, người ta phải dùng thuyền để di chuyển trong phần lớn quãng đường đưa tang, bởi có vô số dòng sông ở mọi hướng tại vùng phụ cận, mà cầu thì rất ít. Lợi thế của việc đưa tang bằng thuyền là di chuyển nhanh hơn so với gánh đám bằng đường bộ. Nhưng đôi lúc do thiếu phương tiện, một phần đoàn đưa tang phải đi bộ theo trên bờ, rồi dùng dò ngang để qua sông ở những đoạn không có cầu. Giữa làng Phủ Cam và ngọn núi biệt lập [núi Ngự Bình] là một thung lũng lớn, “thung lũng mộ địa”, nơi phần lớn người Huế và vùng phụ cận mai táng những người thân. Một chi lưu của sông Trường Tiền chảy ngang một con đường sỏi đá

nằm phía hữu ngạn [đường lên đàn Nam Giao, nay là đường Phan Bội Châu], cách cửa sông [Cửa Khâu, nơi giao nhau giữa bờ nam Sông Hương và đầu sông An Cựu] khoảng một cây số: con đường này dẫn đến “thung lũng mộ địa” khi vượt qua làng Phú Cam ở bên trái”.⁽⁴⁾



Ảnh 2: Một khu làng ở cửa sông An Cựu ven phá Hà Trung - đầm Cầu Hai cuối thế kỷ XIX. (Nguồn: Valérien Groffier (1908), *Héros trop oubliés de notre épopée coloniale*, Desclée - De Brouwer, Lille, p. 312).

Đến nửa sau thế kỷ XIX, sĩ quan hải quân Pháp là Dutreuil de Rhins trên đường từ Đà Nẵng đi bộ ra Huế⁽⁵⁾ để nhận nhiệm vụ lái thuê chiếc tàu hơi nước Scorpion cho triều đình Huế vào tháng 10/1876, đã có những cảm nhận đầu tiên dưới góc nhìn của người châu Âu về địa lý của vùng đất này. Trong bài viết đăng trên *Tập san Hội Địa dư Paris* năm 1878 [trước khi Dutreuil de Rhins viết hồi ký và xuất bản lần đầu năm 1879], ông nhận xét: “Từ chân dãy núi vòng quanh thung lũng Cầu Hai, nơi có một số con sông đổ nước vào, chúng tôi rời khỏi con đường bộ mà trước khi đến vùng đồng bằng Huế vẫn phải đi qua một con đèo, đất canh tác bị cắt xẻ bởi các dòng sông và một cánh đồng cát mênh mông được bao phủ với nhiều ngôi mộ – những di tích cuối cùng của một thành phố ẩn hiện phía xa. Để thuận tiện, chúng tôi đi thuyền bản xứ, hoặc gọi là thuyền tam bản, trong vòng 12 giờ sẽ đưa chúng tôi qua vùng đầm phá và sông Phú Cam để đến Huế. Toàn bộ đồng bằng mà chúng tôi đi qua, giữa đầm phá và những ngọn đồi bao quanh là một vùng đất đỏ, đất sét pha cát nơi nhiều nơi ít, bị chia cắt bởi các dòng suối, những cánh đồng lúa vùng trũng, và những rừng cây trong đó tre và cau chiếm đa số. Thấp thoáng dưới tầm nhìn của chúng tôi là nhiều thôn xóm được bao quanh bởi những vườn cây lá, đồng ruộng và cây ăn quả. Đến làng An Cựu, chúng tôi rời

khỏi thuyền và đi bộ thêm hai cây số để đến khu nhà dành cho các phái bộ ngoại giao, bên bờ hữu ngạn Sông Huế [Sông Hương], trước tòa Kinh Thành, nơi chúng tôi chỉ trông thấy được những bức tường thành”.⁽⁶⁾

Đến năm 1879, dựa vào cuốn hồi ký của Dutreuil de Rhins vừa ra mắt, *Tạp chí Địa dư* của Pháp đã cung cấp một cái nhìn toàn cảnh hơn cho người châu Âu về địa lý, thủy văn của Sông Hương và sông An Cựu. Tờ tạp chí viết:

“Chúng ta sẽ theo chân Dutreuil de Rhins trong những chuyến thám hiểm của ông ta đối với hai nhánh của Sông Huế [Sông Hương], từ cửa sông đến đầu nguồn. Rời bến Sông Huế, nơi con tàu đang neo đậu, Dutreuil de Rhins đi ngược dòng sông đến địa điểm có tên là chợ Tuần [nguyên văn: Kien-Touane], ngang qua trước những khu vườn quanh lăng tẩm hoàng gia ở Vạn Niên [nguyên văn: Van-Nène] và ngọn núi hình nón có tên là Hòn Đụn [nguyên văn: Hon-Dun], cao 440 mét, từ đó quang cảnh trải dài trên một phần lớn của đồng bằng Huế. Đoạn sông qua khu vực Huế, và một phần ở đoạn trên, đã được mô tả nhiều lần, nhưng Dutreuil de Rhins là người đầu tiên [của châu Âu] thực hiện cuộc khảo sát nghiêm túc dòng sông đến tận cùng”.

“Chợ Tuần là một khu khá rộng, nằm ở nơi hợp lưu của hai phụ lưu tạo thành Sông Hương [nguyên văn: Truong-Thiên]. Nhánh sông phía tây [Hữu Trạch], ngắn hơn nhánh sông phía đông [Tả Trạch], có chiều dài khoảng 32km; từ thành phố Huế đến đầu nguồn nhánh này, có 27km đường sông có thể dùng tàu hơi nước. Các ghềnh đá phía trên có thể uốn nắn dễ dàng. Lên đến hẻm núi Thạch Hàn [nguyên văn: Da-Han, dân gian quen gọi Đá Hàn], chúng ta vẫn còn thấy một số khu trồng trọt; nhưng lên nữa, các túp lều xung quanh ngày càng ít, chỉ thấy một số rẫy trồng lúa. Nhánh sông này bắt nguồn từ giữa những hẻm núi hoang sơ với những sườn núi đẹp như tranh vẽ”.

“Ở nhánh sông phía đông, từ chợ Tuần, đầu tiên dòng sông băng qua các lăng tẩm hoàng gia [lăng Gia Long], sau đó là làng Công giáo Buồng Tầm [nguyên văn: Buong-tam], là điểm xa nhất mà các nhà truyền giáo có mặt trên nhánh sông này. Tại điểm này, dòng sông băng qua hai ghềnh thác chảy ra từ những ngọn núi không tên trong khu vực đó. Nhánh sông thứ hai này nằm cách chợ Tuần khoảng 24km, tuy vậy nó trở nên bất khả xâm phạm ngay cả với những chiếc xuồng độc mộc, và dễ dàng chặn đứng hoàn toàn mọi hoạt động của tàu hơi nước”.

“Tóm lại, sau khi khảo sát dòng sông, Dutreuil de Rhins đã nghiên cứu kỹ địa hình của vùng Huế, và vẽ lên một bản đồ toàn cảnh, đó là một tài liệu địa lý quan trọng. Toàn bộ phân bố của hệ thống sông Huế bây giờ đã rõ. Chúng ta thấy rằng, dòng sông được hình thành bởi sự hợp lưu của hai con sông khá quan trọng, rồi nó uốn cong về phía tây ở làng Long Hồ [nguyên văn: Thang-Ho], chảy theo hướng

đông bắc. Cuối cùng, khi về đến Huế, một chi lưu quan trọng, sông Phủ Cam [An Cựu], tách ra khỏi sông chính chảy về phía đông nam, đổ vào đầm phá vùng Truồi [nguyên văn: Trouil], theo hướng song song với bờ biển. Cửa sông bị che khuất nhưng cũng có thể điều hướng cho tàu hơi nước hoạt động”.

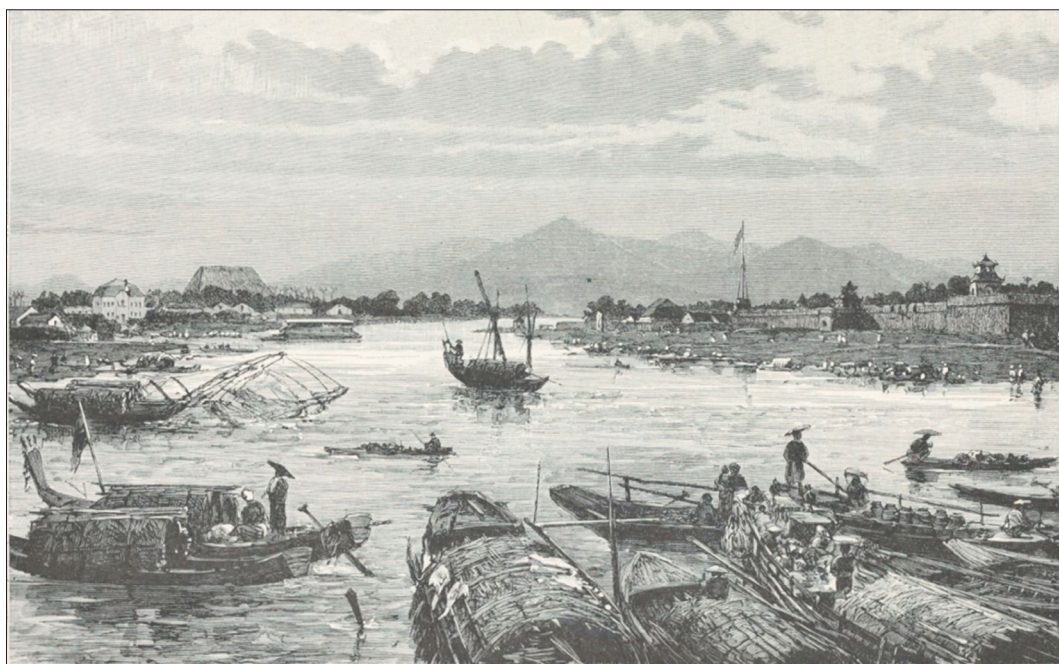
“Từ Huế, Sông Hương được chia thành nhiều nhánh sông nhỏ, trong đó nhánh chính chảy về phía bắc, đổ ra đầm phá theo một dòng chảy ngoằn ngoèo. Chúng tôi giới hạn phần trình bày này về một số chi tiết được thể hiện trong cuốn sách và bản đồ của Dutreuil de Rhins; bởi chúng tôi nghĩ đây là những điều quan trọng hàng đầu cần cung cấp cho độc giả trước khi đề cập những vấn đề khác (như mô tả những ngọn núi, thương mại, nông nghiệp, phong tục, v.v...) có trong sách. Bản đồ của Dutreuil de Rhins có ưu điểm lớn là được xây dựng trên cơ sở dữ liệu của bản thân tác giả; tất cả các vị trí và độ cao trên bản đồ cho thấy ông ta đã tự kiểm tra chúng. Trong những chi tiết mà Dutreuil de Rhins vẽ ra về địa hình, ông ta đã có mặt tại chỗ, cẩn thận tự mình quan sát, không để sai lệch sự thật mà lúc đầu chưa thể kiểm soát”.

“Nói tóm lại, chúng ta có trong tay cuốn sách của Dutreuil de Rhins, một tài liệu mới được bổ sung vào số tài liệu đã có rất nhiều, đến nỗi chúng ta nợ các sĩ quan hải quân uyên bác của mình; và chúng tôi chỉ mong muốn rằng, một thí dụ tốt như vậy nên được tất cả những người Pháp trẻ tuổi có học thức quan tâm, để lường trước sự khó khăn của cuộc sống khi có mặt ở những khu vực ít được biết đến”.⁽⁷⁾

Cuộc khảo sát của Dutreuil de Rhins ở phần thượng nguồn Sông Hương và tổng thể hệ thống sông ở Huế đã được *Tạp chí Địa dư* của Pháp khái quát lại để giới thiệu; vậy từ cửa biển lên Huế đổ vào sông An Cựu như thế nào, chúng ta hãy đọc những dòng ghi chép của chính tác giả trong chuyến đến Huế lần đầu bằng đường biển trước đó một tháng:

“Ngày 10/9/1876 của tôi đã kín lịch, bởi vì bắt đầu từ Thuận An [nguyên văn: Touane-ane] vào lúc 5 giờ sáng, tôi đề xuất trước khi đến yết kiến quan thượng thư, sẽ đi một vòng quanh hòn đảo lớn [Cồn Hến trên Sông Hương] che chắn Kinh Thành Huế ở phía đông và nhìn ngắm non nước này từ đỉnh núi Ngự Bình [nguyên văn: Dia-bigne]. Vì vậy, chiếc thuyền dài đã phải chèo cật lực cho tới khi chúng tôi đến góc phía bắc của thành phố. Ở đó, dòng sông vẽ nên một vòng cung lớn giữa các cánh đồng lúa ở phía nam và đôi bờ sông rất thấp nhưng lại dốc, bên bờ hữu ngạn được bao phủ bởi nhiều rừng cây xanh và khu dân cư. Phía trên của vòng cung này, sau một cái cồn nhỏ xanh rờn, nhánh phía đông bắc của dòng sông cắt một lối chảy ngang qua cánh đồng hướng về phía Thuận An”.

“Chừng hơn sáu trăm mét nữa, chúng tôi nhìn thấy một cây bồ đề [nguyên văn: bo-dé] tuyệt đẹp, đẹp nhất trong những thứ tôi từng trông thấy ở khu vực Huế.



Ảnh 3: Đường sông từ Thuận An băng qua giữa Kinh Thành Huế và Sứ quán Pháp để vào lối đầu sông Phủ Cam cuối thế kỷ XIX. (Nguồn: Édouard Hocquard (1892), *Une campagne au Tonkin*, Hachette et C^{ie}, Paris).

Những nhánh cây vươn ra khỏi bờ và cắm nhiều chùm rễ xuống sông; nhìn từ xa, nó trông như một cây cầu bằng lá. Thân cây chính tuyệt đẹp này có chu vi dễ đến chừng hai mươi mét. Cách đó một khoảng, có một bến đò [bến đò Chợ Dinh] băng qua con sông phía trước con đường từ Thuận An đến Huế, và một hòn đảo rất hẹp [Cồn Hén] xuất hiện trước mặt chúng tôi”.

“Nhánh sông phía đông sâu hơn, bọc quanh ở ngoài. Tôi chọn nhánh phía tây, có vẻ như hợp ý với tôi hơn, bởi những khu dân cư, những xóm làng đông đúc và cây cối sum suê ở đôi bờ. Mực nước xuống quá thấp đến mức cực tiểu, khiến chúng tôi gặp khó khăn khi vượt qua chỗ cạn; sau đó, thuyền đi nhanh hơn ở phía trước Kinh Thành, rồi chúng tôi rẽ vào con sông mà thuyền bè vận tải có thể qua lại, sông Phủ Cam [nguyên văn: Fou-cam], chi lưu phía nam của đồng bằng được hình thành bởi sông Trường Tiền [nguyên văn: Truong-thiên, tức Sông Hương].”

“Sự hiện diện của những con sông này dường như tương tự nhau, nhưng cảnh quan [sông Phủ Cam] mới mẻ hơn, trở nên hẹp hơn, quanh co hơn, và được trời phú cho một sự quyến rũ mới. Tôi dừng lại giữa đường đến làng Phủ Cam để tìm kiếm dấu vết của quá khứ mà nước Pháp có thể tự hào. Nổi bật và biến mất! Song tất cả đều giống nhau, không ai có thể hoặc sẽ chỉ ra cho tôi một trong số những gian nhà xinh xắn này là ngôi nhà mà từ lâu gia đình ông Jean Baptiste Chaigneau đã sinh sống. Liệu tôi có nên ngạc nhiên không?”

“Rời làng Phủ Cam ở bờ hữu ngạn và đi xuống khúc quanh cuối cùng, ở đó chúng tôi thấy cây cầu gỗ An Cựu [nguyên văn: pont de bois d’Ane-keou]. Chúng tôi lên bộ ở đây và băng qua một cánh đồng phủ kín những ngôi mộ, đi chừng hơn 15 phút thì đến chân núi Ngự Bình. Ngọn núi này có hình thang hoặc tam giác, tùy theo hướng nhìn, được rừng thông bao phủ, và trên sườn dốc có một con đường mòn nhỏ dẫn lên đến đỉnh. Đỉnh núi hẹp, nhưng từ đó có thể mở rộng tầm nhìn về phía nam và thấy toàn bộ dãy núi”.

“Về phía tây, chúng ta có thể nhìn thấy những mái ngói hoàng lưu ly trên lăng mộ hoàng gia ở Vạn Niên [nguyên văn: Van-nene, tức lăng vua Tự Đức, nhưng thời điểm đó vua Tự Đức còn tại vị]; một vùng núi đồi nhấp nhô ẩn hiện một dòng sông, mà từ đó chúng ta có thể xuôi dòng ra phía bắc cho tới biển”.

“Bức tranh toàn cảnh Huế rất đa dạng, tráng lệ về tổng thể: trên kia, là một vùng đất nhấp nhô, đẹp như tranh vẽ và hoang dại; ở đây, một thảm cây xanh mênh mông và đồng bộ trải ra đến tận những đụn cát nằm sát đại dương. Trên kia, sự tĩnh lặng của nơi yên nghỉ; ở đây, sự chuyển động của cuộc sống: trên dải đồng bằng này, không thiếu ưu đãi nhưng cũng không tươi mới, sừng sững một khối tường thành hình vuông ngăn cách bởi những con sông và kênh đào. Bên trong Kinh Thành Huế dường như được che phủ bởi những lùm cây xanh. Theo bố trí đó, chúng ta hình dung tòa thành hình vuông, đường phố xuyên qua những hàng cây và các cổng thành, nhưng thực sự chúng ta chỉ nhìn thấy mái của các cung điện. Từ đỉnh của một ngọn núi nằm ở phía tây thành phố [tức đồi Vọng Cảnh], người ta có thể nhìn thấy bên trong Kinh Thành rõ hơn, nhưng cần sự giúp sức của một kính viễn vọng mạnh, vì khoảng cách hơi xa”.

“Cư dân vùng Huế không vượt quá ba mươi nghìn người, phân bố gần như đồng đều ở ngoại ô và các khu vực phụ cận xung quanh bán kính khoảng bốn cây số. Đây là một vị trí không thể tốt hơn để chọn làm nơi xây dựng kinh đô cho dù các công trình phòng thủ nhân tạo giờ đây đã mất hiệu quả.”

“Khi quay lại chiếc thuyền dài và trở về trên sông Phủ Cam, bóng hoàng hôn huyền ảo buông xuống đôi bờ khiến tôi không ngớt ngắm nhìn và chuyển hướng suy tư. Những lùm cây dày đặc đến nỗi người ta sẽ nghĩ chúng đơn độc; trước cảnh tượng mê hoặc này, cuộc sống sẽ trôi qua êm đềm như buổi sáng của một ngày đẹp trời, mọi người sống hạnh phúc bằng tinh thần mà thiên nhiên vốn dĩ nên thơ đã ban tặng. Tôi quên luôn chuyện nhân loại cứ quẩn quanh với những tham vọng và sự khổ đau, và khi con sông lớn [Sông Hương] tràn ngập ánh sáng xuất hiện trước mặt, tôi cảm thấy lỗi đi thi vị này quá ngắn”.⁽⁸⁾

Trong thời gian làm việc ở Huế, Dutreuil de Rhins nhiều lần ghé thăm vùng Phủ Cam, xem đó như một cuộc giải khuây, và ông có dịp ghi lại một vài sinh hoạt

xã hội ở khu vực này: “Ngày 20/12/1876, từ khi đến Huế để đảm nhận công việc của mình, quan thượng thư cử một viên tham biện [nguyên văn: tam-bien] dưới quyền đi theo tôi, một người đàn ông nhỏ bé dễ mến, trông có vẻ khôn lanh hơn là thông minh, mặc dù không phải lúc nào anh ta cũng thành công trong việc che giấu suy nghĩ của mình. Một buổi nọ, sau phiên họp của hội đồng, theo như lời của các thông dịch viên truyền đạt, tôi cảm thấy bất khoan và bị phân tâm, nên đi thuyền về phía sông Phủ Cam và đến bờ sông cạnh làng. Chẳng mấy chốc tôi đã băng qua ngôi chợ [chợ Bến Ngự, người Pháp gọi là chợ Phủ Cam] và gặp một đám rước dài, sự vui vẻ ồn ào giảm dần khi tôi đến gần. Có một con heo to nằm trong cũi, hòa cùng với tiếng cười giọng nói hân hoan của đám rước bằng những tiếng kêu la eng éc”.

“Có phải nhà vua ban tặng phẩm cho một trong những vị quan lớn của ngài không? Tôi nói với Mai, chủ thuyền của tôi, người theo tôi khắp mọi nơi ở Huế”.

- “Cưới! [nguyên văn: Keuoi] Đó là một đám cưới, anh ta trả lời”.

“Người đàn ông được che chiếc lọng lớn ở hàng đầu là chủ hôn của gia đình chú rể tương lai (Trong trường hợp này người chủ hôn được che lọng). Ông ta bưng một chiếc hộp chứa tờ hôn thú; theo sau là những người phụ việc mang lẵng, bình hoa và mâm đựng gạo, cau trầu; tiếp đến là các bậc sinh thành và bà con, khách khứa của vị hôn phu đang ngượng ngùng hòa lẫn trong đám rước. Họ mang lễ cưới đến nhà thông gia tương lai”.

“Chúng ta tạm gác chuyện đám rước trên đường để nói một vài lời về cuộc hôn nhân hợp pháp (Khi người An Nam lấy vợ chính hay vợ hầu, mọi thứ diễn ra khá giống với bất kỳ việc mua bán nào). Ngoài những nghi thức tôn giáo hoàn toàn thiếu đồng bộ với những ràng buộc pháp lý, họ tiến hành mọi việc kèm theo các nghi lễ gần giống với chúng ta; nhưng các thủ tục có tính cách thân mật hơn. Mọi việc xảy ra như trong một gia đình, nhưng đại diện của cơ quan công quyền chỉ ghi nhận một trường hợp do cha mẹ ký. Khi họ đã đồng ý cho con cái kết hôn, và các điều kiện đã được thảo luận và cam kết, lý trưởng địa phương sẽ là người công nhận cuộc hôn nhân. Người đàn ông mang lễ cưới tặng người vợ tương lai, và hai gia đình mỗi bên cử một người được trọng vọng nhất trong thân tộc làm đại diện để viết tờ hôn thú, đem đặt trước bàn thờ gia tiên, rồi một bữa tiệc huyên náo được bày ra”.

“Một thời gian sau, vào ngày đã giao ước tại cuộc gặp mặt trước đó, gia đình của chú rể và những người thân nhóm họp để đi, như chúng ta vừa thấy, đến nhà của cô dâu tương lai, nơi lễ cưới đang đợi họ, lúc đó tờ hôn thú được tuyên bố và thực hiện”.

“Giới trẻ hiện tại gắn bó với nhau trong cuộc sống hôn nhân, trừ khi ly hôn và sau đó yêu cầu hủy bỏ hôn thú, do ngoại tình hoặc vô sinh. Trường hợp cuối cùng

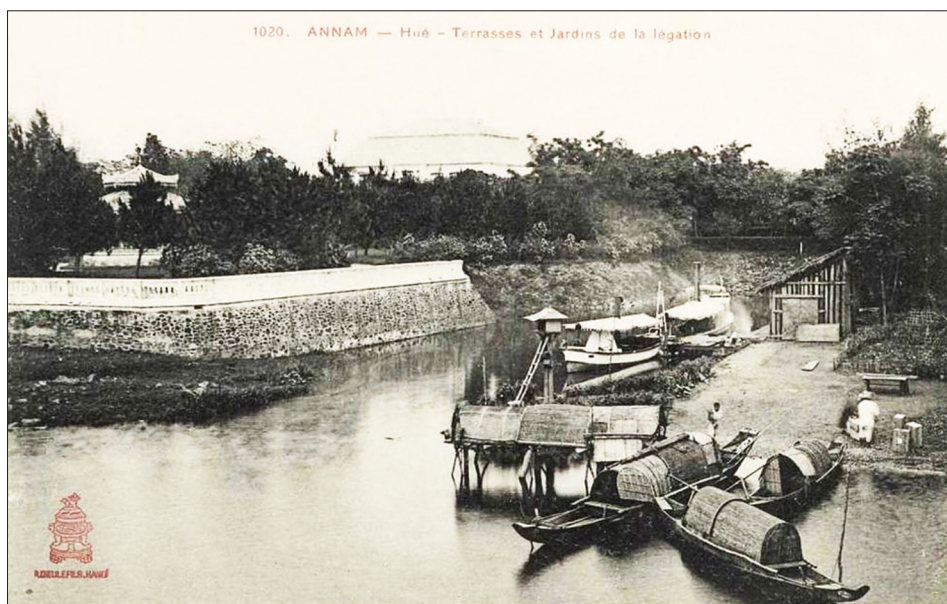
này hiếm khi xảy ra, nếu căn cứ vào số lượng trẻ con nhiều đáng kể mà chúng ta gặp ở khắp nơi”...⁽⁹⁾

Từ cuối thế kỷ XIX, sau ngày kinh đô Huế thất thủ, nền độc lập không còn, người châu Âu đến Huế với tư cách hoàn toàn khác trước, cảm nhận của họ và những hành xử liên quan đến dòng sông An Cựu cũng đã thay đổi. Ngày 1/5/1899, Khâm sứ Trung Kỳ ra quyết định tiến hành “nạo vét sông Phủ Cam [An Cựu] và các ngòi lạch của dòng sông này cùng các kênh mương ở Thừa Thiên với kinh phí 4.000,00 đồng Đông Dương, trích từ ngân sách lao động công chính của Trung Kỳ”.⁽¹⁰⁾

Vấn đề thủy lợi ở tỉnh Thừa Thiên cũng được chính quyền Pháp tiếp tục xử lý. “Các nghiên cứu đã được thực hiện từ năm 1895 tại tỉnh Thừa Thiên để ngăn chặn sự xâm nhập của nước lợ, hoặc để tưới cho các cánh đồng lúa ở phần đồng bằng của tỉnh nằm giữa biển và vùng đồi núi. Yêu cầu được đưa ra là thực hiện dự án xây dựng những đập tràn trên các kênh mương thông với Sông Hương để ngăn nước mặn thâm nhập, nhưng không làm thay đổi chế độ nước lũ, và đắp những con đê ngăn mặn dọc theo bờ đầm phá giáp với những đồng ruộng vùng ven biển. Bên cạnh đó, dự định đào kênh dẫn nước ngọt từ Sông Hương vào sông Phủ Cam sẽ không được triển khai, bởi việc cung cấp nước để tưới cho các đồng ruộng là không cần thiết khi sông Phủ Cam chứa một lượng nước dự trữ vừa đủ. Tổng chi phí liên quan đến các công trình theo kế hoạch sẽ không vượt quá 100.000 francs”.⁽¹¹⁾

Từ đầu thế kỷ XX, công cuộc kiến thiết và chỉnh trang đô thị có nhiều tiến bộ, diện mạo đô thị Huế bắt đầu thay đổi. Vì vậy, khi đến Huế vào năm 1910, Paul Trouillet có một cảm xúc về khu vực sông An Cựu khác với những gì Dutreuil de Rhins thể hiện cuối thế kỷ XIX. Ông viết: “Chúng tôi thực hiện một vòng du lịch tại khu phố Tây, chủ yếu được xây dựng bên bờ hữu ngạn của Sông Hương có trục chính là một đại lộ [đường Lê Lợi hiện nay] dài hơn hai cây số kể từ Tòa Khâm sứ đến ga xe lửa. Hai bên đường, những biệt thự xinh xắn tiếp nối nhau được bao quanh bởi những tán cây xanh đa dạng. Đến nhà ga, thay vì trở lại, chúng tôi men theo bờ tả ngạn sông Phủ Cam, nơi cả đôi bờ cũng có dân cư và ở đó thật ấn tượng với sự hấp dẫn của con sông có dòng nước uốn lượn hài hòa, rợp bóng bởi một thảm thực vật dày đặc và những chiếc thuyền đang lướt nhanh. Dường như sự quyến rũ của con sông được gia tăng vào buổi chiều tà, dưới bóng hoàng hôn và ánh trăng huyền ảo, với giai điệu nhẹ nhàng và trầm bổng của những câu hò từ những cư dân vạ độ”.⁽¹²⁾

Đến Huế vào năm 1914 để thực hiện một chương trình giới thiệu du lịch, Ph. Eberhardt đưa ra nhận xét về khu vực sông An Cựu - Phủ Cam như sau: “Đi dạo ở đôi bờ sông Phủ Cam thật khó khăn [lúc đó đường ven hai bờ sông chưa mở]. Sinh hoạt của những người dân vạ độ diễn ra dưới mắt du khách từ những



Ảnh 4: Âu thuyền trước khu Sứ quán - Tòa Khâm sứ ở bờ nam Sông Hương đầu thế kỷ XX.
(Nguồn: skyscrapercity.com).

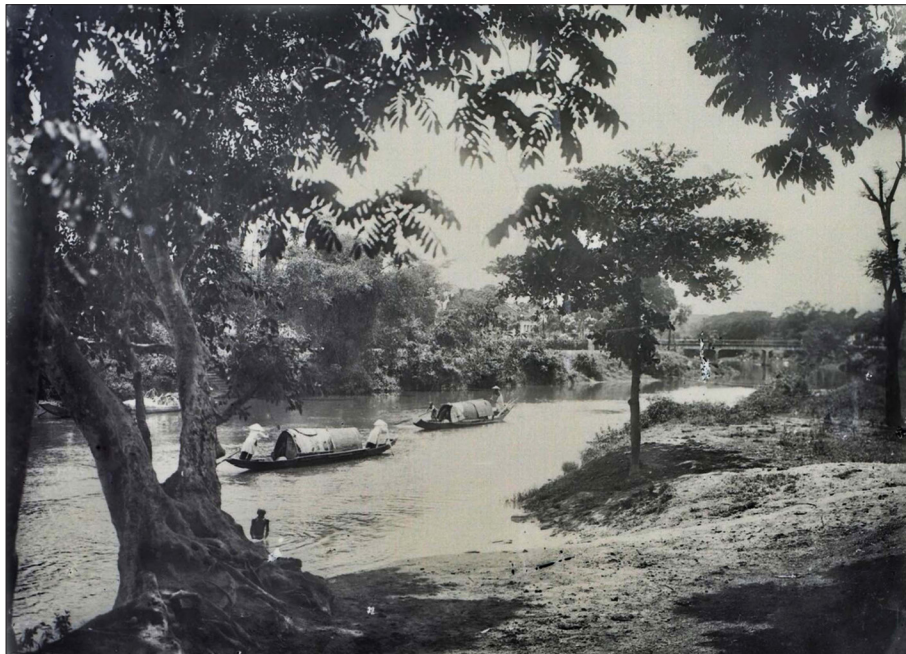
khía cạnh đa dạng nhất của cuộc sống là điều bất ngờ nhất. Hiếm khi đi dạo bên bờ sông này mà không bắt gặp những cảnh thú vị của chủ nghĩa tự nhiên, khiến người ta dễ liên tưởng cần có cách ứng xử rất mới cho đô thị. Vào buổi bình minh hoặc trong ánh sáng vàng nhạt lúc chiều tà, người ta dễ thích thú với quang cảnh đẹp như tranh vẽ này”.⁽¹³⁾

Trong khi đó, Jeanne Leuba đến Hué năm 1916 lại âm thầm đi tìm và viết nên những cảm nhận về đêm khuya ở khu vực này: “Màn đêm tĩnh lặng vào hai giờ sáng khi thành phố đang ngủ. Những ngôi nhà nằm rải rác dưới những tán lá không chút ánh đèn. Tất cả đã ngủ, cửa đóng then cài. Từ bước chạy lặng êm của chiếc xe kéo, chỉ có một nhịp điệu bị nén lại được phát ra: flop, flop, flop... tiếng đôi chân trần bám xuống mặt đất”.

“Nhưng sau khi vừa băng qua con sông Phủ Cam, một khung cảnh kỳ lạ sẽ khiến chúng ta rời xa thế giới thực! Ở trung tâm của một cánh đồng mộ địa, nổi lên giữa vùng cát trắng u buồn dưới ánh trăng một hàng cây Giáng sinh [cây thông] mê hoặc. Chúng không lấp lánh như những cây Noël trong ngày lễ. Chúng cũng không lộ ra những cành nhánh mạnh mẽ để gánh cái nặng của tuyết phương Tây: chúng tỏa ra thứ ánh sáng mờ ảo và huyền bí giữa tán lá xanh đen mềm mại. Con đường duy nhất cho những người chết! Nó gọi lên câu chuyện tuyệt vời về sự phục sinh, một cuộc diễu hành của bóng tối đến vương quốc của bóng đêm. Một cái mùi nhẹ nhẹ thoảng qua, không hoàn toàn là hương hoặc hoa, tỏa ra từ những ngôi miếu dựng lên trong bờ rào hai lớp”.

“Trên các nhánh phi lao là những chiếc đèn lồng với những ngôi sao kỳ lạ, hiện lên những con thú phát sáng - những tưởng tượng của sự hình dung thể tục, những đầu thú kỳ dị, những con phượng hoàng khoe sắc, những con cá huỳnh quang. Không gì đẹp hơn những chiếc đèn lồng cổ điển, tinh khiết trong hình dạng, nghiêm trang trong sự tỏa sáng của chúng. Ngọn đèn bên trong chiếu sáng một con rồng với tông màu trên nền vải cổ”.

“Người dân đi ngang qua đây thường không ồn ào hay náo nhiệt. Họ tự chùng xuống, như thể có một vài quan ngại nào đó. Không một người phu kéo xe nào không cất tiếng bốn cọt “con gái”, và không tíu tít khi lại gần những gian hàng hoa quả và cau trầu. Không có một bóng dáng phụ nữ nào, ngoại trừ những người buôn bán này đang ngồi “chờ hỏ” trong cảnh tranh tối tranh sáng”...⁽¹⁴⁾



Ảnh 5: Đoạn sông An Cựu cạnh cầu Ga Huế đầu thế kỷ XX.
(Nguồn: *Le Monde colonial illustré*, Paris, N°10, 7/1924, p. 228).

Trên dòng sông An Cựu, mặc dù đang sa lầy trong cuộc Chiến tranh Thế giới 1914-1918, người Pháp cũng bắt đầu có sự điều chỉnh, với việc xây công ngăn mặn ở cửa sông giáp phá Hà Trung - đầm Cầu Hai. Năm 1916, căn cứ dự án của Toàn quyền Đông Dương về việc thực hiện các công trình thủy lợi ở tỉnh Thừa Thiên và tờ trình của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp, ngày 19/12/1916, Tổng thống Cộng hòa Pháp⁽¹⁵⁾ ký sắc lệnh cho phép triển khai xây dựng các đập Phủ Cam [đập Cống Quan] và Cầu Hai với khoản kinh phí 200.000 francs (Điều 1).⁽¹⁶⁾

Con đập chắn có công tháo nước làm xong, sinh hoạt của cư dân trên sông An Cựu cũng phải thay đổi phương cách khi đi từ sông ra phá hay ngược dòng từ

phá vào sông. Dufresne đã cho chúng ta thấy lại cảnh này một cách thi vị qua sự mô tả đầy chất văn chương:

“Từ khi sông Phủ Cam tại Huế bị cách ly với đầm phá bởi một con đập để ngăn nước mặn xâm nhập vào những cánh đồng lúa, và điều đó là cần thiết, để vượt qua đập chắn, người ta hò và nghiêng các thuyền tam bản để gánh qua với một điệu hò dài, mà cuối mỗi câu được xướng lên bởi một người râu tóc bạc trắng thì cả nhóm cùng hò theo ở những điệp khúc. Những người khiêng thuyền thậm chí không thể gánh nổi nếu không có nhịp điệu của hai tiếng “hò khoan” vang lên theo từng động tác của họ”.

“Có lẽ trong giao thông đường thủy, hiệu ứng nghệ thuật được tạo ra bằng cách hòa cùng một nhịp hò mang đến sự hoàn hảo tối đa. Ở đó, tất cả mọi thứ góp phần vào kết quả của cái đẹp: sự tĩnh lặng sâu lắng của vùng nông thôn, vẻ duyên dáng của những hàng tre, mặt nước êm đềm phản chiếu ánh trăng yên bình trên một thủy vực rộng. Những chiếc thuyền lướt nhẹ mà không có bất kỳ âm thanh nào khác ngoài tiếng mái chèo cọ xát quai chèo và cọc chèo. Và người ta có thể đoán được khoảng cách một đoạn điệp khúc hò theo nhịp điệu chậm rãi”.⁽¹⁷⁾

Kể từ cuối năm 1924, khi trên dòng sông An Cựu ở khu vực Huế đã có đủ 6 cây cầu nối đôi bờ [các cầu: Ga, Nam Giao, Bến Ngự, Phủ Cam, Kho Rèn, An Cựu], cảnh quan ở vùng sông này lại tiếp tục có thêm nhiều thay đổi theo nhịp bước của quá trình đô thị hóa, như những dòng mô tả đầy cảm xúc hoài cổ dưới đây của Léopold Cadière:

“Con sông, rộng 300 mét, Sông Hương, chảy xuống từ những ngọn núi gần đó, nổi lên từ mỏm đồi đỏ và uốn cong hai lần, tạo thành một chữ Z lớn. Đường trung tuyến kéo từ phía mặt trời lặn sang hướng đông, chia thành phố làm hai: khu phố Tây ở bờ hữu ngạn, thành cổ và khu dân cư bản địa ở bờ tả ngạn. Hai cây cầu sắt, cầu Clémenceau, tức cầu Thành Thái cũ [cầu Trường Tiền] phía hạ lưu; cầu đường sắt phía thượng nguồn [cầu Dã Viên], kết nối hai phần của kinh đô. Các dự án về mỹ quan của thành phố đưa ra một cây cầu thứ ba, hoành tráng, nằm giữa hai cái hiện đang tồn tại. Tôi bắt gặp nhiều người không biết nhàm chán trước vẻ đẹp của thiên nhiên, không hề mệt mỏi khi đứng hàng giờ bên lan can của cây cầu Clémenceau. Dòng nước lững lờ trôi giữa hàng ngàn cư dân vạn dòng sinh sống trên thuyền, với một bờ có màu ngọc lục bảo được nhấn mạnh bởi các bức tường màu thổ hoàng của tòa thành cổ, còn một bên là những đóm trắng của các tòa nhà kiểu châu Âu. Đằng xa, những ngọn đồi nối tiếp nhau như những con cừu bị xén lông, lộ ra một mảng sườn thẳm nước trông như những vệt máu dưới một thảm thực vật mỏng màu xám. Phía xa xa, những ngọn núi mọc lên, sương mờ che khuất rồi lại lướt qua, chúng có màu xanh đen và đường nét sắc nhọn”.

“Ba mươi năm trước, bờ hữu ngạn có một bộ mặt khác xa ngày hôm nay. Khu phố Tây hầu như không tồn tại. Rất khó để nhận dạng nó khi nhìn từ phía hạ lưu. Sứ quán Pháp bị che phủ bởi lùm cây, được bảo vệ bằng một doanh trại và liên lạc với phần còn lại của thế giới bằng một gian nhà có mái che. Toàn bộ bờ sông bị lấp kín bởi một dãy các căn nhà thấp và mái rộng, trải theo chiều dài con sông: chúng là doanh trại của doanh Thủy sư An Nam. Tòa nhà cuối cùng trong số đó đã biến mất do quá trình xây dựng Trường Quốc Học. Nhà khảo cổ luyến tiếc về sự biến mất hoàn toàn của chúng; nhưng người nghệ sĩ thì không như vậy. Đằng trước các doanh trại, những âu thuyền phủ đầy những túp lều tranh nhẹ, chứa những chiếc thuyền hoàng gia khi thời tiết xấu. Tại đây, nhà khảo cổ học và nghệ thuật cùng chung nỗi luyến tiếc, không phải về những túp lều, mà về những chiếc thuyền. Một số thuyền xưa là kỳ quan về nghệ thuật điêu khắc, sơn mài, thếp vàng. Không còn gì, hoặc quá ít đến mức gần như không có gì...”

“Nhu cầu của thời đại đã cuốn trôi mọi thứ. Trên vị trí của một phần những chuồng voi của hoàng gia mọc lên nhà ga xe lửa và một khách sạn, một xưởng cưa, một nhà máy nước đá, khu dân cư. Ở phía bên kia sông Phủ Cam, một cây cầu đẹp bắc qua, Trường Pellerin [nay là khu Học viện Âm nhạc Huế] thay thế các khu vườn rợp bóng và nhà cửa”.

“Tiếp đến, từ dãy doanh trại cũ của thủy quân, đã chia thành Dinh Công sứ Thừa Thiên, các văn phòng và doanh trại bảo an binh, Trường Quốc Học, Trường nữ trung học Đồng Khánh, trụ sở Phủ Thừa của tỉnh và nhà lao, bệnh viện trung ương rộng lớn của Trung Kỳ, bưu điện, các công trình công cộng, câu lạc bộ, khách sạn lớn của Huế, Tòa Khâm sứ Trung Kỳ, Sứ quán cũ, nhạc viện, sở thuế... Tôi chỉ đề cập đến các tòa nhà chính và chỉ nói về những gì chúng ta thấy khi đi theo đường Jules Ferry [nay là Lê Lợi], trục chính của Huế, mà không nói đến tất cả các công trình xây dựng, các cơ sở theo kế hoạch chỉnh trang của đô thị Huế đang được tiến hành”.

“Tất cả các công trình này được phủ bóng cây xanh, phù hợp với một thành phố thuộc địa. Một số công trình là các di tích, với đường nét giản dị và thuần khiết theo sở thích của người Pháp, lại phù hợp với yêu cầu của bản xứ. Một số công trình khác đã bị chỉ trích mạnh mẽ, trở thành bất cập và phải để cho cây cối che phủ dần”.⁽¹⁸⁾

Cùng mang tâm trạng hoài cổ, năm 1925, Madrolle viết: “Ở bờ hữu ngạn Sông Hương là khu phố Tây. Tòa Khâm sứ vẫn còn được gọi là Sứ quán, vì ban đầu vào năm 1878 nơi đây được dùng làm trụ sở của sứ bộ ngoại giao Pháp một thời gian, trước khi thiết lập chính quyền Bảo hộ. Băng qua sông Phủ Cam là nhà ga xe lửa, đại lộ Nam Giao, chùa Quốc Ân, thành cổ ở Nguyệt Biều [Thành Lôi], đàn



Ảnh 6: Trụ sở tập đoàn công nghệ phẩm Chaffanjon góc đường Chaigneau - Henri Rivière giữa thế kỷ XX, nay là góc Lý Thường Kiệt - Hà Nội. (Nguồn: AAVH).

Nam Giao, núi Ngự Bình, đường lên lăng tẩm hoàng gia. Trên ngọn đồi phía sau nhà ga, có chùa Báo Quốc được xây dựng vào cuối thế kỷ XVII. Công tam quan của chùa xây dựng vào năm 1808, được khắc trang trí bằng chữ Phạn và các Hán tự. Trong khuôn viên có những bảo tháp của các sư trú trì. Tháp cổ nhất nằm sau hàng đầu tiên được dựng lên (năm 1714) bởi các đệ tử đáng kính của sư Giác Phong để tưởng niệm vị tổ sáng lập chùa. Trong chính điện có một số mảng chạm khắc đẹp, một cái chuông đúc năm 1808. Trên bàn thờ lớn được xếp theo thứ bậc là tượng của các vị Phật trong Phật giáo Đại thừa, xen vào đó là vài bức tượng của Lão giáo...⁽¹⁹⁾

Việc chỉnh trang sông An Cựu còn được tiếp nối những năm sau đó, như vào năm 1929, tỉnh Thừa Thiên trích ngân sách để gia cố độ bền của kè chống xói mòn ở bờ sông đoạn Phủ Cam;⁽²⁰⁾ năm 1932 trích 745,00 đồng Đông Dương xây công trình bảo vệ ở hai bờ sông chống xói lở phía dưới cầu An Cựu,⁽²¹⁾ trích 500,00 đồng Đông Dương tu bổ lần thứ nhất công trình bảo vệ trên bờ sông Phủ Cam chống lũ lụt hàng năm gây xói mòn theo yêu cầu của Hội đồng tỉnh;⁽²²⁾ năm 1938 trích trước 425,00 đồng Đông Dương cho việc củng cố và thay thế mặt đường bờ kè của cầu đường Jules Ferry gần ga [cầu Ga] bằng mặt đường bê tông cốt thép...⁽²³⁾

Hóa ra, những hoạt động chỉnh trang, tu bổ để cho dòng sông An Cựu vận hành tốt hơn, đô thị phát triển mạnh hơn dưới thời Pháp thuộc không hề quá ít; còn những cảm nhận của người châu Âu về vùng đất bên sông An Cựu ở khu vực Huế thì không chỉ có sự vui mừng về những đổi thay, mà còn xen lẫn vào đó cả những tâm trạng hoài cổ, luyến tiếc những giá trị quý báu của một thời đang dần dần mất bóng...

N Q T T

CHÚ THÍCH

- (1) Lê Quý Đôn toàn tập (1977), Tập I, *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 112.
- (2) Académie de Vaucluse (1935), *Mémoires de l'Académie de Vaucluse*, Tome XXXV, Impr. Rullière, Avignon, p. 181.
- (3) Michel Đức Chaigneau (1867), *Souvenirs de Hué*, Imprimerie Impériale, Paris, p. 20.
- (4) Michel Đức Chaigneau (1867), *Souvenirs de Hué*, Imprimerie Impériale, Paris, p. 211-212.
- (5) Đây là lần ra Huế thứ hai của Dutreuil de Rhins, lần đầu ông đến Huế bằng đường biển, đi từ cửa biển Thuận An lên Huế.
- (6) Dutreuil de Rhins, "La côte d'Annam et la province de Hué", *Bulletin de la Société de Géographie*, Société de Géographie, Tome XVI, Paris, 12/1878, p. 335-336.
- (7) Institut Géographique de Paris, *Revue de Géographie*, Tome V, juillet - décembre 1879, Librairie Ch. Delagrave, Paris, p. 196-198.
- (8) Jules Léon Dutreuil de Rhins (1889), *Le royaume d'Annam et les Annamites: journal de voyage*, Librairie Plon, Paris, p. 125-128.
- (9) Jules Léon Dutreuil de Rhins (1889), *Le royaume d'Annam et les Annamites: journal de voyage*, Librairie Plon, Paris, p. 232-234.
- (10) *Bulletin officiel de l'Indo-Chine française*, N° 1-6, Imprimerie Schneider, Hanoi, 1899, p. 12.
- (11) *Bulletin Économique de l'Indo-Chine*, N°110, septembre 1914, Hanoi, p.764.
- (12) J. Paul Trouillet, "Le Tourisme en Indochine", *La Dépêche Coloniale Illustrée*, N°11, 15 juin 1910, Paris, p. 137.
- (13) Ph. Eberhardt, *Guide de l'Annam*, Augustin Challamel - Éditeur, Librairie Maritime et Coloniale, Paris, 1914, p. 157-158.
- (14) Jeanne Leuba, "La grande nuit", *La Renaissance*, N°14, 08 juillet 1916, Paris, p. 17.
- (15) Tổng thống Raymond Nicolas Landry Poincaré, nhiệm kỳ 1913-1920.
- (16) *Bulletin officiel du Ministère des Colonies*, N°s 1 à 12, 1918, Imprimerie Nationale, Paris, p. 48-50.
- (17) Dufresne, "Littérature Annamite", *Indochine*, Exposition Coloniale Internationale de Paris, Société d'Éditions, Paris, 1931, p. 160.
- (18) Agence Économique des territoires africains sous mandat, *Bulletin de l'Agence Générale des Colonies*, N°197, 1924, Paris, p. 817-818.
- (19) Madrolle (1925), *Indochine du Nord: Tonkin, Annam, Laos, Yunnan, Kouang-Tchéou Wan* (2^e Édition), Librairie Hachette, Paris, p. 270-271.
- (20) Gouvernement général de l'Indo-Chine, *Rapports au Conseil de gouvernement*, Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi, 1929, p. 785.
- (21) Résidence de Thua-Thiên, *Budget provincial pour l'exercice*, Imprimerie Phuc-Long, Huế, 1932, p. 50-51.
- (22) Résidence de Thua-Thiên, *Budget provincial pour l'exercice*, Imprimerie Phuc-Long, Huế, 1932, p. 46-47.
- (23) Ville de Huế, *Budget municipal pour l'exercice*, Imprimerie de Bui Huy Tin, Huế, 1938, p. 48-49.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Agence Économique des territoires africains sous mandat, *Bulletin de l'Agence Générale des Colonies*, N°197, 1924, Paris.

2. *Bulletin économique de l'Indo-Chine*, N°110, septembre 1914, Hanoi.
3. *Bulletin officiel de l'Indo-Chine française*, N°1-6, 1899, Imprimerie Schneider, Hanoi.
4. *Bulletin officiel du Ministère des Colonies*, N°s 1 à 12, 1918, Imprimerie Nationale, Paris.
5. Michel Đức Chaigneau (1867), *Souvenirs de Hué*, Imprimerie Impériale, Paris.
6. Dufresne (1931), "Littérature Annamite", *Indochine*, Exposition Coloniale Internationale de Paris, Société d'Éditions, Paris.
7. Lê Quý Đôn toàn tập (1977), Tập I, *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Ph. Eberhardt (1914), *Guide de l'Annam*, Augustin Challamel - Éditeur, Librairie Maritime et Coloniale, Paris.
9. Gouvernement général de l'Indo-Chine, *Rapports au Conseil de gouvernement*, Impr. d'Extrême-Orient, Hanoi, 1929.
10. Institut Géographique de Paris, *Revue de Géographie*, Tome V, juillet - décembre 1879, Librairie Ch. Delagrave, Paris.
11. Jeanne Leuba, "La grande nuit", *La Renaissance*, N°14, 08 juillet 1916, Paris.
12. Madrolle (1925), *Indochine du Nord: Tonkin, Annam, Laos, Yunnan, Kouang-Tchéou Wan* (2^e Édition), Librairie Hachette, Paris.
13. Résidence de Thua-Thiên, *Budget provincial pour l'exercice*, Imprimerie Phuc-Long, Hué, 1932.
14. Dutreuil de Rhins, "La côte d'Annam et la province de Hué", *Bulletin de la Société de Géographie*, Société de Géographie, Tome XVI, Paris, 12/1878.
15. Dutreuil de Rhins (1889), *Le royaume d'Annam et les Annamites: journal de voyage*, Librairie Plon, Paris.
16. J. Paul Trouillet, "Le Tourisme en Indochine", *La Dépêche Coloniale Illustrée*, N°11, 15 juin 1910, Paris.
17. Académie de Vaucluse (1935), *Mémoires de l'Académie de Vaucluse*, Tome XXXV, Imprimerie Rullière, Avignon.
18. Ville de Hué, *Budget municipal pour l'exercice*, Imprimerie de Bui Huy Tin, Hué, 1938.

TÓM TẮT

Sông An Cựu và vùng đất ven con sông này ở Huế đã được người châu Âu biết đến từ thế kỷ XVII qua tên gọi sông Phủ Cam và làng Phủ Cam. Bài viết này tổng thuật những điều ghi chép, khảo tả về sông An Cựu của một số tác giả người Âu từng đến Huế xưa, qua đó giúp người đọc hôm nay hình dung được cảnh quan và những thay đổi của dòng sông "nặng đục mưa trong" trong quá trình đô thị hóa vùng Huế.

ABSTRACT

TALKING ABOUT AN CỰU RIVER THROUGH THE VIEW OF SOME EUROPEAN PEOPLE BEFORE 1945

An Cựu River and the area along this river in Huế have been known to Europeans since the 17th century through the name of Phủ Cam River and Phủ Cam village. This article summarizes the notes and descriptions of An Cựu River of some European authors who used to visit Huế in the past, and thereby helping readers visualize the landscape and changes of the river which is "muddy in sunny season and clear in rainy season" during the process of urbanization of Huế.